TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **244**/2026/QĐST-DS	*Thành phố Huế, ngày 13 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 272/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần J (tên cũ: Công ty Cổ phần M1)địa chỉ: Tầng A, nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T; chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M; chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ (Theo bản Ủy quyền số 09/2025/UQ-TGĐ ngày 18/12/2025 của Ông Hoàng Anh T - TGĐ Jupiter cho Ông Phan Huy M - GĐTT Xử lý nợ).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Đình L, ông Lê Xuân K, ông Đặng Đức P; địa chỉ: 4, số C L, phường T, thành phố H. (Văn bản ủy quyền số 57107/2026/UQ-XLN-JUPITER ngày 27/6/2026).

2. Ngân hàng TMCP V (V1); địa chỉ: Tòa V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G; chức vụ: Trưởng phòng XLN pháp lý tích hợp 2 (Theo bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của ông Ngô Chí D).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Ngô Vĩnh D1; địa chỉ: D, số C L, phường T, thành phố H. (Văn bản ủy quyền số 14307/2026/UQN-PLTH2 ngày 27/6/2026).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1966; địa chỉ: C Đ, phường M, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về số nợ gốc và nợ lãi: Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H công nhận còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J theo Hợp đồng cho vay số LN1708010136620/PHI/HĐTD ngày 14/08/2017 và Hợp đồng cho vay số LN1912061951257 ngày 12/12/2019 tính đến ngày 05/8/2026 với tổng số tiền là 141.460.351 đồng (bao gồm nợ gốc 99,074,003 đồng; nợ lãi trong hạn 3.906.721 đồng, nợ lãi quá hạn 36.911.525 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 1.568.102 đồng).

Trong đó:

+ Nợ Công ty cổ phần J số tiền 127.314.316 đồng (trong đó nợ gốc là89.166.603 đồng, nợ lãi trong hạn 3.516.049 đồng, nợ lãi quá hạn 33.220.372 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 1.411.292 đồng)

+ Nợ Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần V (V1) số tiền 14.146.035 đồng (trong đó nợ gốc là 9.907.400 đồng, nợ lãi trong hạn 390.672 đồng, nợ lãi quá hạn3.691.153 đồng; nợ lãi chậm trả lãi156.810 đồng)

2.2 Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Vào ngày 05/9/2026 dương lịch, bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J toàn bộ số nợ tính đến ngày 05/8/2026 là 141.460.351 đồng (bao gồm nợ gốc 99,074,003 đồng; nợ lãi trong hạn 3.906.721 đồng, nợ lãi quá hạn 36.911.525 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 1.568.102 đồng).

Trong đó:

+ Nợ Công ty cổ phần J số tiền 127.314.316 đồng (trong đó nợ gốc là89.166.603 đồng, nợ lãi trong hạn 3.516.049 đồng, nợ lãi quá hạn 33.220.372 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 1.411.292 đồng)

+ Nợ Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần V (V1) số tiền 14.146.035 đồng (trong đó nợ gốc là 9.907.400 đồng, nợ lãi trong hạn 390.672 đồng, nợ lãi quá hạn3.691.153 đồng; nợ lãi chậm trả lãi156.810 đồng)

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc và lãi kể từ ngày 06/8/2026 theo thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay số LN1708010136620/PHI/HĐTD ngày 14/08/2017và Hợp đồng cho vay số LN1912061951257 ngày 12/12/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V1 và Công ty J được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 550, tờ bản đồ số 27, toạ lạc tại:Thôn N, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 384080, số vào sổ cấp GCN: 03764 do UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 05/03/2010 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

số LN1708010136620/PHI/HĐTC ngày 08/08/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 12/12/2019 tại Văn phòng chứng N tỉnh Thừa Thiên Huế. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều tài sản bảo đảm cho khoản vay.Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng V1 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: (141.460.351 đồng x 5%) x 50% = 3.536.508 đồng (làm tròn thành 3.537.000 đồng).Các bên đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.537.000 đồng. Ông C và bà H phải chịu mỗi người 1.768.500 đồng. Tại thời điểm lập biên bản ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban vụ Quốc Hội, ông được miễn phần án phí của ông là 884.250 đồng. Ông Nguyễn Văn C phải chịu số tiền án phí là: 884.250 đồng và bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu số tiền án phí là 1.768.500 đồng.

Trả lại cho Công ty Cổ phần J số tiền tạm ứng án phí 2.671.000 đồng tại biên lai số 0000007 ngày 01/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H và trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0000008 ngày 01/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng), các đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Do Công ty Cổ phần J đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty Cổ phần J số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng), kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần J có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H chưa thi hành án số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ như thỏa thuận ở trên, thì ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Kim H phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật sự năm 2015.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng